

Số: 2944/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

*Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi, và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4728/TTr-SNN ngày 01 tháng 10 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

#### **1. Ban hành mới:**

- Ban hành mới 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt, gồm: 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (cấp tỉnh) mã: 1.012847, 1.012848; 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (cấp huyện) mã: 1.012849, 1.012850.

#### **2. Sửa đổi, bổ sung:**

- Sửa đổi, bổ sung 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt (cấp xã) mã 1.008004 đã được công bố tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021.

*(Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).*

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các cơ quan, đơn vị liên quan, có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cấu hình quy trình điện tử đối với những thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TD 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Công TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Sơn Hùng**



**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI  
BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ PTNT TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (1.012847)**

a. Thời hạn giải quyết: 20 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục TTBVTV&TL	0,5
Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Phòng Trồng trọt và BVTV - Chi cục TTBVTV&TL	11
Thẩm định, duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục TTBVTV&TL	0,5
Ký duyệt và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng Sở	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	1
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	UBND tỉnh (Xin ý kiến + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	5,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT	0,5

**2. Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (1.012848)**

a. Thời hạn giải quyết: 12 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
--------------------	------------------	-----------

		giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý	→ Trung tâm Phục vụ HCC	0,25
<p>- Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh rà soát nội dung bản kê khai của người được giao đất, cho thuê đất xác định vị trí đến từng thửa đất theo tiêu chí phân vùng, phân loại, phân vị trí của Bảng giá đất, gửi kết quả đến Phòng chuyên môn tham mưu hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (trong 04 ngày).</p> <p>- Phòng chuyên môn tham mưu hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rà soát, xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024NĐ-CP, dự thảo văn bản gửi Sở Tài chính, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.</p>	→ Phòng chuyên môn tham mưu hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (Sở Tài nguyên và Môi trường)	5
Ký phê duyệt văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền gửi Sở Tài chính	→ Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	1
Phát hành văn bản gửi Sở Tài chính	→ Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5
<p>- Xác định số tiền phải theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024NĐ-CP gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.</p> <p>- Đính kèm kết quả trên phần mềm một cửa điện tử tỉnh gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	→ Sở Tài chính	5
Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kết thúc quy trình	→ Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện (1.012849)

a. Thời hạn giải quyết: 20 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Bộ phận giao, nhận HS của Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế huyện	→	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của huyện	1
Thẩm định, giải quyết hồ sơ	→	Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế huyện	11
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế huyện	1
Nhận và chuyển hồ sơ cho Văn phòng UBND huyện	→	Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế huyện	1
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Văn phòng UBND huyện	→	Lãnh đạo UBND huyện	5
Trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của huyện	→	Văn phòng UBND huyện	0,5
Nhận và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của huyện	0,5

### 2. Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện (1.012850)

a. Thời hạn giải quyết: 12 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường	→	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của huyện	0,5
- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; - Thẩm định hồ sơ;	→	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5

- Ban hành Văn bản xác nhận diện tích đất trồng lúa và gửi đến Phòng Tài chính – Kế hoạch.			
Ban hành Văn bản xác định số tiền phải nộp, gửi đến phòng Tài nguyên môi trường.	→	Phòng Tài chính – Kế hoạch	5
Chuyển hồ sơ đến Bộ phận một cửa cấp huyện để trả kết quả	→	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1
Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của huyện	0,5

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

#### 1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (1.008004)

a. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND cấp xã	0,5
Giải quyết hồ sơ	→	Bộ phận nghiệp vụ của UBND cấp xã	3
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo UBND cấp xã	1
Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND cấp xã	0,5